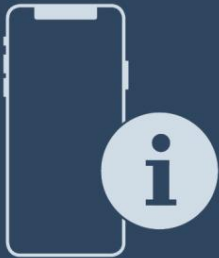


Hướng dẫn sử dụng

Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới



[home.liebherr.com/fridge-manuals](http://home.liebherr.com/fridge-manuals)



# LIEBHERR

# Bản tóm tắt

Tổng quan về thiết bị.....3

1 1.1 Các mặt hàng được cung cấp..... 3

1.2 Tổng quan về thiết bị và các tính năng của nó  
thiết bị..... 3

1.3 Thiết bị thông minh..... 3

1.4 Phạm vi ứng dụng của thiết bị..... 3

1,5 Tuần thủ..... 4

1.6 Các chất được quan tâm theo quy định ĐẠT ĐƯỢC..... 4

1.7 Cơ sở dữ liệu EPREL..... 4

1.8 Linh kiện thay thế..... 4

2 Hướng dẫn an toàn chung.....4

Thao tác trên màn hình cảm ứng..... 6

3 Điều hướng và giải thích các ký hiệu..... 6

3.1 Thực đơn..... 6

3.2 3.3 Chế độ chờ..... 7

Vận hành.....7

4 4.1 Bật thiết bị (lần đầu sử dụng)..... 7

5 Lưu trữ.....8

5.1 Lời khuyên về lưu trữ..... 8

5.2 Sơ đồ lưu trữ..... 8

6 Tiết kiệm năng lượng.....8

Sử dụng..... 8

7 Các thành phần điều khiển và hiển thị..... 8

7.1 Hiển thị trạng thái.....9

7.1.1 Hiển thị ký hiệu.....9

7.1.2 Tín hiệu âm thanh.....9

Hoạt động của thiết bị..... 9

7.1.3 Ghi chú về chức năng của thiết bị..... 9

7.2 Bật và tắt thiết bị.....9

7.2.1 Không dây..... 10

7.2.2 Nhiệt độ.....11

7.2.3 Đơn vị nhiệt độ.....11

7.2.4 Chế độ ngày Sa-bát.....12

7.2.5 Độ ẩmChon.....12

7.2.6 Độ sáng màn hình.....13

7.2.7 Báo động cửa.....13

7.2.8 Âm thanh báo động.....14

7.2.9 Âm thanh chính.....14

7.2.10 Khóa màn hình.....14

7.2.11 Mã PIN màn hình.....15

7.2.12 Ngôn ngữ.....16

7.2.13 Thông tin thiết bị.....16

7.2.14 Phần mềm.....16

7.2.15 Nhắc nhở.....16

7.2.16 Khôi phục cài đặt gốc.....17

Tín nhắn.....17

7.2.17 Cảnh báo.....17

7.2.18 7.3 7.3.1 7.3.2 7.3.3 7.3.4.....18

Thiết bị.....19

8 Khóa an toàn.....19

8.1 8.2 Đánh dấu nhãn.....19

9 Bảo trì.....19

9.1 Trao đổi không khí bằng bộ lọc than hoạt tính Không khí trong lành.....19

9.2 Vệ sinh thiết bị.....20

10 Hỗ trợ khách hàng.....20

10.1 Dữ liệu kỹ thuật.....20

10.2 Tiếng ồn khi vận hành.....21

10.3 Sự cố kỹ thuật.....21

10.4 Dịch vụ khách hàng.....22

10.5 Biện tên.....23

11 Tháo dỡ.....23

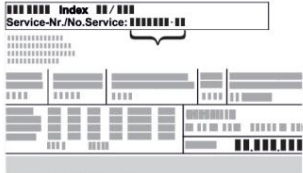

12 Loại bỏ.....23

12.1 Chuẩn bị thiết bị để xử lý..... 23

## 12.2 Xử lý thiết bị theo

môi trường..... 23

Nhà sản xuất liên tục làm việc để cải thiện tất cả các mẫu sản phẩm của mình. Vì vậy chúng tôi đang trông cậy vào sự hiểu biết của bạn về những thay đổi có thể xảy ra về hình thức, thiết bị và công nghệ.

Giải thích biểu tượng	
	<p>Đọc hướng dẫn sử dụng</p> <p>Để khám phá tất cả những lợi thế của bạn thiết bị mới, vui lòng đọc kỹ hướng dẫn có trong sách hướng dẫn này.</p>
	<p>Thông tin bổ sung trên Internet</p> <p>Bạn có thể tìm thấy hướng dẫn ở định dạng kỹ thuật số với thông tin bổ sung và bằng các ngôn ngữ khác trên Internet trong quét mã QR trên trang bìa của thông báo này hoặc bằng cách nhập số của bạn dịch vụ tại <a href="http://home.liebherr.com/huong-dan-su-dung-tu-lanh">home.liebherr.com/huong-dan-su-dung-tu-lanh</a>.</p> <p>Bạn sẽ tìm thấy số dịch vụ trên tên nơi:</p>  <p>Hình. Biểu diễn như một ví dụ</p>
	<p>Kiểm tra trạng thái thiết bị</p> <p>Kiểm tra thiệt hại vận chuyển trên tất cả các bộ phận. Trong trường hợp khiếu nại, liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ khách hàng.</p>
	<p>Sự phân kỳ</p> <p>Hướng dẫn sử dụng có hiệu lực cho nhiều mô hình. Có sự khác biệt có thể lắm chứ. Các đoạn văn liên quan đến chỉ một số loại thiết bị nhất định được biểu thị bằng dấu hoa thị (*).</p>
	<p>Hướng dẫn và kết quả</p> <p>Hướng dẫn được chỉ ra bằng . Kết quả được biểu thị bằng . </p>
	<p>Video</p> <p>Video của các thiết bị có sẵn trên Kênh YouTube của thương hiệu đồ gia dụng Liebherr.</p>

### Giấy phép nguồn mở:

Thiết bị kết hợp các thành phần phần mềm sử dụng giấy phép nguồn mở. Bạn sẽ tìm thấy thông tin thông tin liên quan đến giấy phép nguồn mở tại đây địa chỉ: [home.liebherr.com/open-source-licences](http://home.liebherr.com/open-source-licences)

Hướng dẫn sử dụng này có hiệu lực đối với:

UWgb3631	3632
----------	------

## 1 Tổng quan về thiết bị

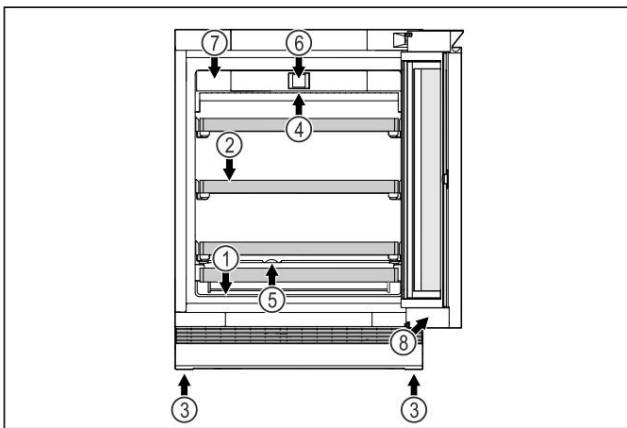
### 1.1 Các mặt hàng được cung cấp

Kiểm tra tất cả các bộ phận để phát hiện hư hỏng có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển. Nếu có bất kỳ khiếu nại nào, hãy liên hệ với nhà bán lẻ hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Việc giao hàng bao gồm các phần sau:

- Thiết bị tích hợp -
- Thiết bị (tùy theo model)
- Phần cứng lắp đặt (tùy theo mẫu máy)
- « Hướng dẫn bắt đầu nhanh »
- « Hướng dẫn cài đặt »
- Tờ rơi SAV

### 1.2 Tổng quan về thiết bị và trang thiết bị của nó

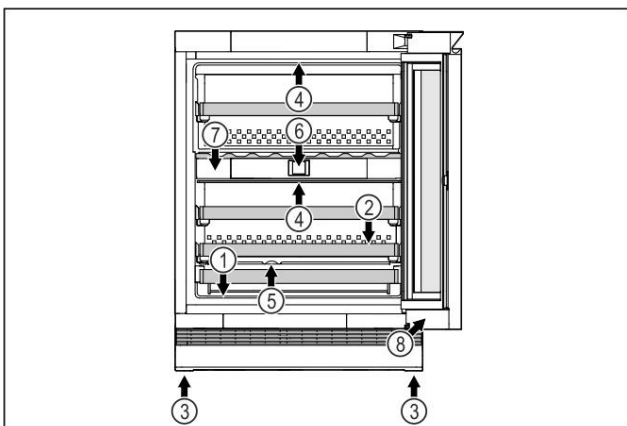


Hình 1 Ví dụ minh họa - mặt trước Thiết bị (1) Biển tên (5) Lưu

lượng nước ngưng

tụ

- |                            |  |
|----------------------------|--|
| (2) Lưới hỗ trợ            | (6) Các yếu tố điều khiển và hiển thị nhiệt độ                   |
| (3) Chân có thể điều chỉnh | (7) Bộ lọc than hoạt tính<br><small>Không khí trong lành</small> |
| (4) Chiếu sáng nội thất    | (8) Khóa   |



Hình 2 Ví dụ minh họa - mặt trước Thiết bị (1) Biển tên (5) Lưu

lượng nước ngưng

tụ

- |                            |  |
|----------------------------|--|
| (2) Lưới hỗ trợ            | (6) Các yếu tố kiểm soát và hiển thị nhiệt độ                    |
| (3) Chân có thể điều chỉnh | (7) Bộ lọc than hoạt tính<br><small>Không khí trong lành</small> |
| (4) Chiếu sáng nội thất    | (8) Khóa   |

### 1.3 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp mạng cho hầm rượu của bạn.

Nếu thiết bị của bạn tương thích với SmartDevice hoặc đã sẵn sàng, bạn có thể tích hợp thiết bị của mình vào mạng Wi-Fi một cách nhanh chóng và dễ dàng. Ứng dụng SmartDevice cho phép bạn điều khiển thiết bị của mình từ thiết bị di động. Ứng dụng SmartDevice có các chức năng bổ sung và tùy chọn cài đặt.

Thiết bị tương thích thông minh  
Thiết bị :\*

Thiết bị của bạn tương thích với SmartDevice. Để kết nối thiết bị của bạn với Wi-Fi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.\*

Thiết bị đã sẵn sàng  
Trước

Thiết bị của bạn đã sẵn sàng để sử dụng với SmartDeviceBox. SmartDeviceBox tiên, bạn phải tải SmartDeviceBox và cài đặt nó.

Để kết nối thiết bị của bạn với Wi-Fi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.\*



Thông tin bổ sung về SmartDevice:

[smartdevice.liebherr.com](http://smartdevice.liebherr.com)

Nhận được SmartDeviceBox trong cửa hàng Liebherr-

[home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html)\*

Đồ gia dụng :\*

Tải xuống ứng dụng SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình ứng dụng SmartDevice, bạn có thể tích hợp thiết bị của mình vào mạng Wi-Fi bằng ứng dụng

SmartDevice và chức năng Wi-Fi của thiết bị (xem 7.2.3 WiFi).

Lưu ý Tính

năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus và Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.\*

### 1.4 Phạm vi ứng dụng của thiết bị

Mục đích sử dụng

Thiết bị này được thiết kế chuyên dụng để bảo quản rượu vang trong môi trường gia đình.

## Hướng dẫn an toàn chung

đánh dấu hoặc tương tự. Ví dụ, chúng bao gồm việc sử dụng trong bếp gia đình,

phòng nghỉ, bởi khách ở nhà nghỉ, khách sạn, nhà nghỉ và các cơ sở lưu trú khác,

trong dịch vụ ăn uống và các dịch vụ tương tự trong thương mại bán buôn.

Thiết bị này không thích hợp để đông lạnh thực phẩm.

Thiết bị này có thể được lắp chìm dưới gầm bàn.

Mọi mục đích sử dụng khác đều bị cấm.

Sử dụng sai mục đích có thể lường trước Các ứng

dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm mát các sản phẩm thuốc, huyết

tương, chế phẩm phòng thí nghiệm hoặc các vật liệu hoặc sản phẩm

tương tự khác được quy định bởi Chỉ thị về Thiết bị Y tế

2007/47/EC - Sử dụng ngoài trời ở nơi có độ ẩm cao - Sử dụng

ở những khu vực có khả năng nổ

Sự phân loại

Sử dụng thiết bị không đúng cách có thể làm hư hỏng hoặc thổi rữa hàng hóa được lưu trữ bên trong.

Phân loại khí hậu Thiết bị

được thiết kế để hoạt động ở nhiệt độ môi trường hạn chế theo từng loại khí hậu. Cấp độ khí hậu tương ứng với thiết bị của bạn được ghi trên bảng đánh giá.

Lưu ý: Hãy

tuân thủ nhiệt độ môi trường được chỉ định để đảm bảo hoạt động hoàn hảo.

Lớp khí hậu	đối với nhiệt độ môi trường xung quanh
SN	10°C đến 32°C
N	16°C đến 32°C
ST	16°C đến 38°C
T	16°C đến 43°C
SN-ST	10°C đến 38°C
SN-T	10°C đến 43°C

### 1.5 Tuân thủ

Kiểm tra độ kín của mạch làm lạnh. Sau khi lắp ráp, thiết bị tuân thủ các quy định an toàn hiện hành và các chỉ thị tương ứng.

Đối với thị trường Châu Âu :\* Thiết bị này tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU.\*

Đối với thị trường Anh :\* Thiết bị tuân thủ Quy định về thiết bị vô tuyến năm 2017 SI 2017 số 1206.\*

Toàn văn tuyên bố về sự phù hợp của EU có sẵn trên trang web sau:

[www.liebherr.com](http://www.liebherr.com) Do thiếu hướng dẫn về hiệu quả năng lượng cho các thiết

bị kiểm soát nhiệt độ rượu vang nên giá để rượu vang được coi là giá để hàm rượu nhằm mục đích phân loại hiệu quả năng lượng.

### 1.6 Các chất đáng quan tâm theo quy định REACH

Bằng cách nhấp vào liên kết bên dưới, bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của mình có chứa các chất đáng lo ngại theo định nghĩa trong quy định REACH hay không : [home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nachhaltigkeit/umwelt/scip/scip.html](http://home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nachhaltigkeit/umwelt/scip/scip.html)

### 1.7 Cơ sở dữ liệu EPREL

Từ ngày 1 tháng 3 năm 2021, thông tin về nhãn năng lượng và các yêu cầu về thiết kế sinh thái sẽ có trong Cơ sở dữ liệu nhãn năng lượng châu Âu (EPREL). Có thể truy cập cơ sở dữ liệu thông qua liên kết <https://eprel.ec.europa.eu/>. Bạn sẽ được nhắc nhập tên model. Tên model được hiển thị trên biển tên.

### 1.8 Phụ tùng thay thế

Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận thiết bị lưu trữ là 15 năm.

2 Hướng dẫn an toàn chung Cát giữ hướng dẫn sử dụng này ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

Nếu bạn chuyển giao thiết bị cho bên thứ ba, vui lòng chuyển tiếp những hướng dẫn này cho chủ sở hữu mới.

Để đảm bảo sử dụng thiết bị đúng cách và an toàn, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này trước khi sử dụng. Luôn tuân theo các hướng dẫn và thông báo an toàn, cảnh báo trong sách hướng dẫn. Chúng đóng vai trò thiết yếu trong việc lắp đặt và vận hành thiết bị an toàn và trơn tru.

Nguy hiểm cho người sử dụng: - Trẻ em

cũng như những người khuyết tật về thể chất, giác quan hoặc tinh thần hoặc những người thiếu kinh nghiệm và kiến thức đều có thể sử dụng thiết bị này, miễn là họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng thiết bị.

## Hướng dẫn an toàn chung

việc sử dụng thiết bị một cách an toàn và những nguy hiểm đi kèm.

Trẻ em không được phép chơi đùa với thiết bị này. Trẻ em không nên tự ý vệ sinh và bảo trì nếu không có sự giám sát. Trẻ em từ 3 đến 8 tuổi không nên sạc hoặc xả thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi không được phép lại gần thiết bị này trừ khi được giám sát liên tục.

sự thật.

- Ổ cắm điện phải dễ tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Nó phải được đặt bên ngoài khu vực phía sau của thiết bị.
- Luôn rút phích cắm của thiết bị ra khỏi nguồn điện bằng cách cầm vào phích cắm. Không kéo cáp.
- Trong trường hợp xảy ra lỗi, hãy rút phích cắm hoặc tắt cầu chì.
- Không làm hỏng cáp kết nối mạng. Không sử dụng thiết bị khi cáp kết nối nguồn bị lỗi.
- Việc sửa chữa và can thiệp vào thiết bị chỉ được thực hiện bởi dịch vụ sau bán hàng hoặc các kỹ thuật viên chuyên ngành đã được đào tạo đặc biệt.
- Chỉ lắp đặt, kết nối và thải bỏ thiết bị theo đúng hướng dẫn.
- Chỉ vận hành thiết bị trong trạng thái gắn kết.

Nguy cơ cháy nổ: - Chất

làm lạnh (dữ liệu trên nhãn sản phẩm) thân thiện với môi trường nhưng dễ cháy.

Chất làm lạnh bị rò rỉ có thể gây cháy. • Không làm hỏng đường ống của hệ thống làm lạnh. • Tránh xử lý các nguồn gây cháy bên trong thiết bị. • Không sử dụng các dụng cụ điện bên trong thiết bị (ví dụ: máy vệ sinh bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm đá, v.v.). • Trong trường hợp rò rỉ chất làm lạnh: Loại bỏ bất kỳ ngọn lửa trần hoặc nguồn đánh lửa nào gần nơi rò rỉ. Thông gió phòng đúng cách. Thông báo dịch vụ khách hàng

- Không lưu trữ vật liệu nổ hoặc bình xịt chứa khí đẩy dễ cháy (butan, propan, pentan, v.v.) trong thiết bị.

Các bình xịt loại này có thể được nhận biết thông qua thông tin nội dung được in hoặc biểu tượng ngọn lửa.

Rò rỉ khí có thể gây cháy các bộ phận điện.

- Để thiết bị tránh xa nến, đèn và các vật có ngọn lửa đang cháy để tránh gây cháy thiết bị.
- Chỉ bảo quản đồ uống có cồn hoặc bất kỳ vật chứa nào chứa cồn ở trạng thái đậy kín. Bất kỳ chất cồn nào rò rỉ đều có thể bắt lửa nếu tiếp xúc với các bộ phận điện.

Nguy cơ rơi và đổ: - Không sử dụng đế, ngăn kéo, cửa, v.v. làm bậc thang hoặc điểm tựa. Điều này đặc biệt đúng với trẻ em.

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm: - Không sử dụng thực phẩm đã hết hạn sử dụng.

Nguy cơ tê cóng, tê liệt và đau: - Tránh tiếp xúc da thường xuyên với bề

mặt lạnh hoặc thực phẩm đông lạnh/lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, chẳng hạn như đeo găng tay.

Nguy cơ thương tích và thiệt hại tài sản: - Hơi nước nóng có thể gây

thương tích. Không sử dụng thiết bị sưởi ấm hoặc tia hơi nước nóng, ngọn lửa trần hoặc bình xịt chống đóng băng để rã đông.

- Không dùng vật dụng sắc nhọn để lấy đá.

Nguy cơ bị đè bẹp: - Không

được cho tay vào bản lề khi mở và đóng cửa. Ngón tay có thể bị kẹt.

### Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng có thể được tìm thấy trên máy nén. Thông báo này đề cập đến dầu trong máy nén và cảnh báo về mối nguy hiểm sau: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải hoặc xâm nhập vào đường hô hấp. Cảnh báo này rất quan trọng khi tái chế.

Không có nguy hiểm nào xảy ra trong quá trình hoạt động bình thường.



Biểu tượng này nằm trên máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm liên quan đến sự hiện diện của các chất dễ cháy. Không gỡ bỏ nhãn dán.

## Hoạt động trên màn hình cảm ứng



Nhãn dán này hoặc nhãn dán tương tự có thể nằm ở mặt sau của thiết bị. Điều này cho biết rằng các tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm đá trân châu được đặt ở cửa và/hoặc lớp bao quanh.

Cảnh báo này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không gỡ bỏ nhãn dán.

Tuân thủ các hướng dẫn cảnh báo và các hướng dẫn cụ thể khác trong các chương khác:

	SỰ NGUY HIỂM	chỉ ra một tình huống nguy hiểm sắp xảy ra, nếu không tránh được sẽ dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng. chỉ ra một tình huống nguy hiểm, nếu không
	CẢNH BÁO-XI MẮNG	tránh được, có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.
	THẬN TRỌNG biểu thị	tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được có thể gây ra thương tích ở mức độ vừa hoặc nhẹ.
	THẬN TRỌNG chỉ ra	tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được có thể gây thiệt hại về tài sản.
	Lưu ý chỉ ra những	nhận xét và lời khuyên hữu ích.

### 3 Thao tác trên màn hình cảm ứng

Bạn sử dụng màn hình cảm ứng để điều khiển thiết bị của mình.

Màn hình cảm ứng (sau đây gọi là "màn hình") cho phép bạn chọn các chức năng của thiết bị bằng cách nhấn vào màn hình.

Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ trở về menu chính hoặc trực tiếp về màn hình hiển thị trạng thái.

#### 3.1 Điều hướng và giải thích các ký hiệu

Các hình minh họa sử dụng các ký hiệu khác nhau để điều hướng màn hình. Bảng sau đây mô tả các ký hiệu này.



Biểu tượng	Sự miêu tả
	Nhấn mũi tên điều hướng về phía trước:  Truy cập chức năng tiếp theo trong menu.
	Nhấn mũi tên điều hướng quay lại:  Trở lại chức năng trước đó trong menu.
	Nhấn mũi tên điều hướng quay lại trong 3 giây:  Trở lại màn hình hiển thị trạng thái trong menu chính hoặc trong menu cấu hình.

Biểu tượng	Mô tả Nhấn mũi
	tên điều hướng nhiều lần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong menu.
	Nhấn vào biểu tượng xác nhận:  Bật/tắt chức năng.  Mở menu phụ.
	Nhấn biểu tượng xác nhận cùng lúc với biểu tượng quay lại:  Quay lại một cấp độ trong thực đơn.
	Mũi tên có đồng hồ: Phải mất hơn 10 giây thì màn hình mới hiển thị nội dung sau.
	Mũi tên chỉ thời gian: Phải mất khoảng thời gian chỉ định để nội dung hiển thị sau xuất hiện trên màn hình.
	Mở biểu tượng "Menu cấu hình": Điều hướng đến menu cấu hình và mở menu.  Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong menu cấu hình. (xem 3.2.1 Mở menu cấu hình)
	Mở biểu tượng "Menu nâng cao":  Điều hướng đến menu nâng cao và mở menu nâng cao.  Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong menu nâng cao.  (xem 3.2.2 Mở menu nâng cao)
Không có hành động nào trong vòng 10 giây	Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ trở về menu chính hoặc trực tiếp về màn hình hiển thị trạng thái.
Mở và đóng cửa	Nếu bạn mở cửa và đóng lại ngay lập tức, màn hình sẽ trở về màn hình trạng thái.

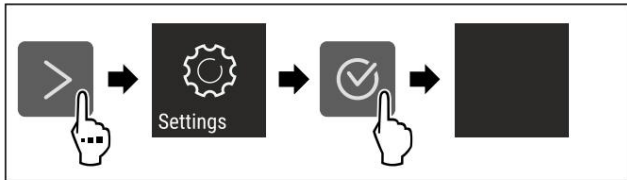
Lưu ý: Hình ảnh minh họa trên màn hình được trình bày bằng tiếng Anh.

#### 3.2 Thực đơn

Các chức năng của thiết bị được chia thành các loại khác nhau thực đơn.

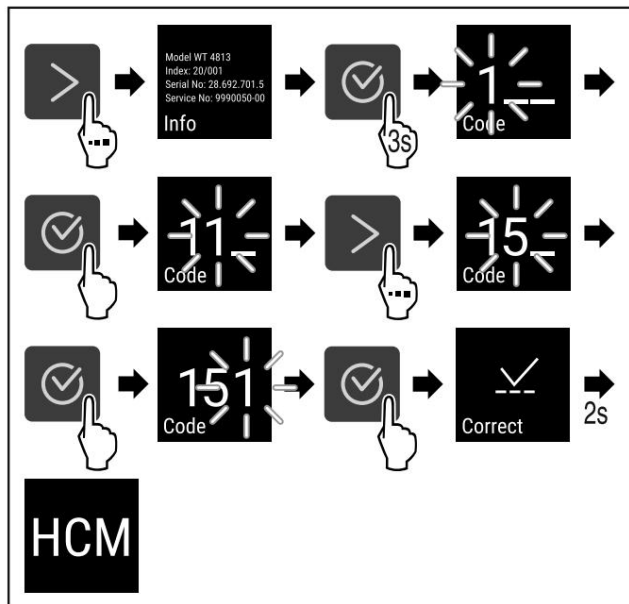
Thực đơn	Sự miêu tả
Menu chính	Khi bạn bật thiết bị, bạn sẽ tự động truy cập vào menu chính. Từ đây bạn có thể điều hướng đến các chức năng quan trọng nhất của thiết bị, menu cài đặt và menu nâng cao.
 Settings Cấu hình menu	Menu cấu hình chứa các chức năng bổ sung để cấu hình thiết bị của bạn. (xem 3.2.1 Mở menu cấu hình)
 HCM Menu nâng cao	Menu Nâng cao chứa các chức năng đặc biệt để cấu hình thiết bị của bạn. Quyền truy cập vào menu nâng cao được bảo vệ bằng mã số 1 5 1. (xem 3.2.2 Mở menu nâng cao)

### 3.2.1 Mở menu cấu hình



Hình 3 Ví dụ minh họa u Thực hiện theo các bước như trong hình. w Menu cấu hình đang mở. u Nếu cần: điều hướng đến chức năng mong muốn.

### 3.2.2 Mở menu nâng cao



Hình 4 Truy cập bằng mã số 151 u Thực hiện theo các bước như trong hình. w Menu mở rộng đang mở. u Nếu cần: điều hướng đến chức năng mong muốn.

## 3.3 Chế độ ngủ

Nếu bạn không chạm vào màn hình trong vòng 1 phút, màn hình sẽ chuyển sang chế độ ngủ. Ở chế độ chờ, độ sáng màn hình sẽ giảm xuống.

### 3.3.1 Thoát khỏi chế độ ngủ

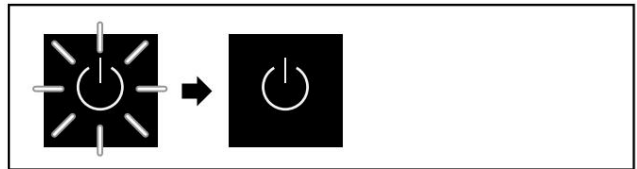
u Nhấn bất kỳ phím điều hướng nào. w Chế độ ngủ đã kết thúc.

## 4 Vận hành

### 4.1 Bật thiết bị (lần đầu sử dụng)

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: - Thiết bị đã được lắp đặt và kết nối.

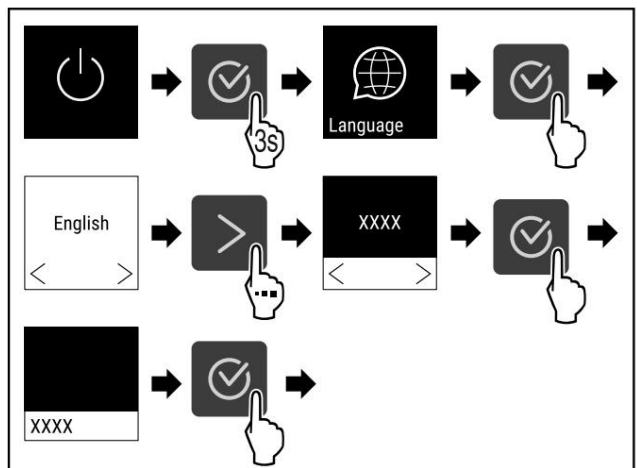
- Tất cả các dải keo dán, màng tự dính và màng bảo vệ cũng như các thiết bị an toàn khi vận chuyển đã được gỡ bỏ khỏi bên trong và bên ngoài thiết bị.



Hình 5 Ví dụ minh họa Biểu tượng Chờ sẽ nhấp nháy cho đến khi quá trình bắt đầu hoàn tất.

Màn hình hiển thị biểu tượng Chờ.

Nếu thiết bị được giao theo cài đặt gốc, trước tiên bạn phải chọn ngôn ngữ hiển thị trong quá trình vận hành.



Hình 6 u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa.



Hình 7 \*



Hình 8 \*

w Thiết bị được bật ngay khi nhiệt độ được hiển thị ở màn hình.

# Kho

w Đèn báo nhiệt độ nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt.

## 5 Lưu trữ

### 5.1 Lời khuyên về lưu trữ



CẢNH BÁO Nguy cơ hỏa

hoạn u Không sử dụng

các thiết bị điện bên trong ngăn chứa thực phẩm của thiết bị này trừ khi chúng là loại được nhà sản xuất khuyến nghị.

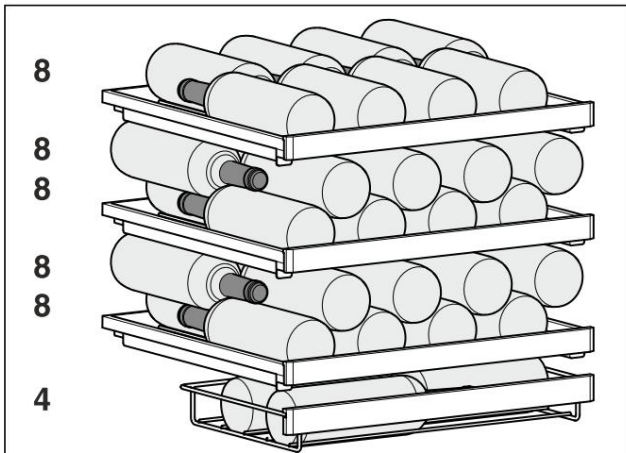
Lưu ý Mức

tiêu thụ năng lượng tăng và khả năng làm mát giảm nếu thông gió không đủ. u Các khe thông gió phải luôn được giữ thông thoáng.

Tuân thủ các thông số kỹ thuật lưu trữ sau: - Không cản trở các khe thông gió của quạt.

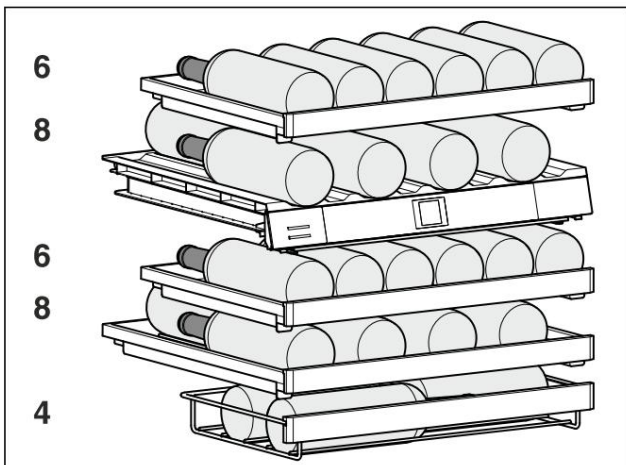
### 5.2 Sơ đồ lưu trữ

#### 5.2.1 UWgb 3631



Hình 9 Tổng cộng 44 chai (chai Bordeaux 0,75 l theo tiêu chuẩn NF H 35-124)

#### 5.2.2 UWgb 3632



Hình 10 Tổng cộng 32 chai (chai Bordeaux 0,75 l theo tiêu chuẩn NF H 35-124)

## 6 Tiết kiệm năng lượng

- Luôn đảm bảo thông thoáng và lưu thông gió tốt. Không che các lỗ thông gió hoặc lưới thông gió.
- Luôn giữ các khe thông gió của quạt thông thoáng.  
người làm việc.
- Không lắp thiết bị ở nơi có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp hoặc gần lò sưởi hoặc bất kỳ thiết bị tương tự nào khác.
- Nếu thiết bị được lắp đặt ngay cạnh lò nướng, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng nhẹ. Tùy thuộc vào thời gian sử dụng và cường độ sử dụng lò nướng.
- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt, ví dụ: nhiệt độ môi trường xung quanh (xem 1.4 Phạm vi áp dụng của thiết bị). Nếu nhiệt độ môi trường cao hơn, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng.
- Mở thiết bị càng nhanh càng tốt.
- Nhiệt độ cài đặt càng thấp thì mức tiêu thụ năng lượng càng cao.

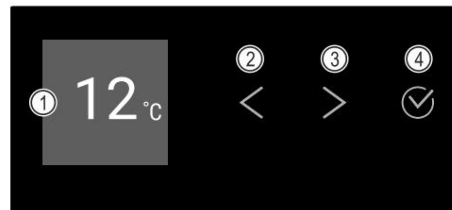
## 7 Sử dụng

### 7.1 Các thành phần điều khiển và hiển thị

Màn hình cung cấp cái nhìn tổng quan nhanh về trạng thái hiện tại của thiết bị, cài đặt nhiệt độ, chức năng và trạng thái cài đặt, cũng như thông báo cảnh báo và lỗi.

Việc đặt hàng được thực hiện bằng cách sử dụng các mũi tên điều hướng và biểu tượng xác nhận.

Có thể kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng và thay đổi giá trị cài đặt.



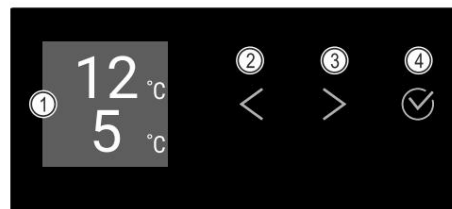
Hình 11 Màn

hình\* (1) Hiển thị trạng thái

(3) Mũi tên điều hướng về phía trước

(2) Mũi tên điều hướng ngược lại

(4) Xác nhận



Hình 12 Màn

hình\* (1) Hiển thị trạng thái

(3) Mũi tên điều hướng về phía trước

(2) Mũi tên điều hướng ngược lại

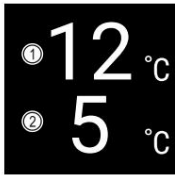
(4) Xác nhận



### 7.1.1 Hiện thị trạng thái



Hình 13 Hiện thị trạng thái với nhiệt độ\*



Hình 14 Màn hình hiển thị

trạng thái\* (1) Nhiệt độ vùng trên (2) Nhiệt độ vùng thấp hơn  
Màn hình hiển

thị trạng thái là màn hình ban đầu và hiển thị nhiệt độ. Từ đây, bạn có thể tiếp tục điều hướng đến các chức năng và cài đặt. Màn hình trạng thái có thể hiển thị các ký hiệu khác nhau.

### 7.1.2 Biểu tượng hiển thị Biểu

tượng hiển thị cung cấp thông tin về trạng thái của thiết bị.

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị
	Chế độ chờ Thiết bị đã tắt.
	Biểu tượng chế độ chờ nhấp nháy Thiết bị đang khởi động.
	Nhiệt độ nhấp nháy Nhiệt độ mục tiêu vẫn chưa đạt được. Thiết bị sẽ nguội xuống đến nhiệt độ cài đặt.
	Hiển thị nhiệt độ
	Hiển thị nhiệt độ
	Biểu tượng nhấp nháy Lỗi vẫn đang xảy ra.
	Biểu tượng lỗi Thiết bị đang ở trạng thái lỗi.
	Thanh màu trắng bên dưới Menu phụ.

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị
	Nền trắng Cài đặt trước, cài đặt đang hoạt động hoặc giá trị đang hoạt động.
	Thanh tăng trưởng Nhấn nút trong 3 giây để kích hoạt cài đặt.
	Thanh giảm dần Nhấn nút trong 3 giây để hủy cài đặt.

Biểu tượng hiển thị trạng thái

### 7.1.3 Tín hiệu âm thanh

Tín hiệu sẽ phát ra trong các trường hợp sau: - Khi một hàm hoặc giá trị được xác nhận.

- Khi một hàm hoặc giá trị không thể được bật hoặc tắt. - Khi xảy ra lỗi.

- Trong khi có tín hiệu báo động.

Âm báo thức có thể được bật hoặc tắt trong menu Máy khách.

## 7.2 Hoạt động của thiết bị

### 7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị

Các chức năng của thiết bị được thiết lập sẵn tại nhà máy để đảm bảo thiết bị của bạn hoạt động đầy đủ chức năng.

Trước khi thay đổi, kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng của thiết bị, hãy đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: q Bạn đã đọc và hiểu mô tả thao tác trên màn hình. (xem 3 Thao tác trên màn hình cảm ứng)

q Bạn đã làm quen với các nút điều khiển và màn hình hiển thị của thiết bị. (xem 7.1 Các thành phần điều khiển và hiển thị)

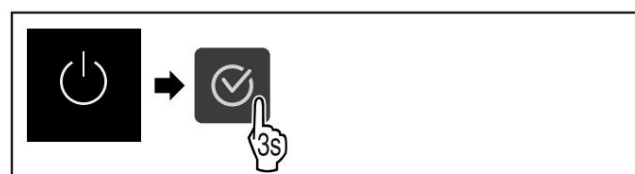


### 7.2.2 Bật và tắt thiết bị

Cài đặt này cho phép bạn bật và tắt toàn bộ thiết bị.

Bật thiết bị mà không

bật DemoMode:

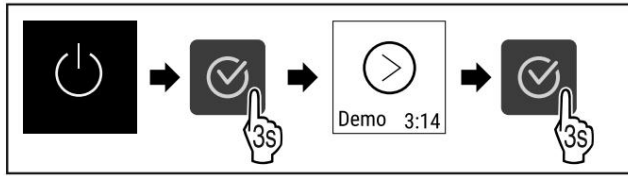


Hình 15

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa.

Khi bật DemoMode:

# Sử dụng



Hình 16

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa.

Lưu ý: Tắt

DemoMode để hoàn tất quá trình đếm ngược.



Hình 17 \*

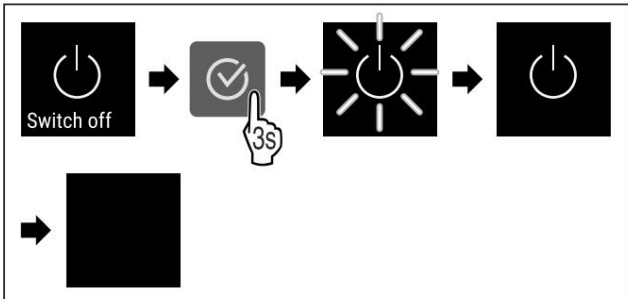


Hình 18 \*

Nhiệt độ hiển thị trên màn hình. Tắt thiết bị



Hình 19



Hình 20

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. Màn hình hiển thị biểu tượng Chờ. Màn hình sẽ tắt sau khoảng 10 phút.



### 7.2.3 Không dây WiFi

Sử dụng tính năng này để kết nối thiết bị của bạn với Wi-Fi. Sau đó, bạn có thể sử dụng nó từ ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Bạn cũng có thể sử dụng tính năng này để ngắt kết nối hoặc thiết lập lại kết nối Wi-Fi.

Để kết nối thiết bị của bạn với Wi-Fi, bạn cần có SmartDeviceBox.\* Thông tin thêm về SmartDevice: (xem

1.3 SmartDevice)

Lưu ý Tính

năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus và Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.\*

Kết nối với Wi-Fi lần đầu tiên

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

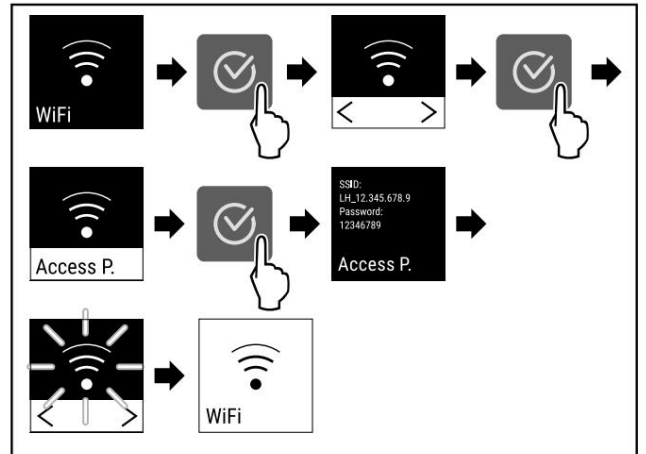
q SmartDeviceBox đã được mua và cài đặt. (xem 1.3 SmartDevice)  
\* q Ứng dụng SmartDevice

là [apps.home.liebherr.com](https://apps.home.liebherr.com). q Ghi âm trong đã cài đặt (nhìn thấy ứng dụng SmartDevice là

hoàn thành.



Hình 21



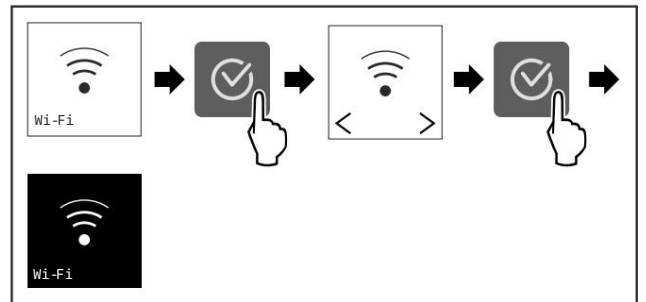
Hình 22

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Kết nối đã được thiết lập.

Gián đoạn kết nối Wi-Fi



Hình 23



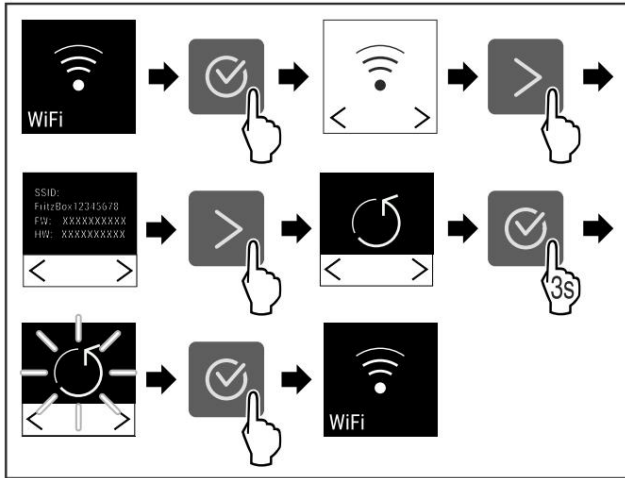
Hình 24

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Kết nối bị ngắt.

Đặt lại kết nối Wi-Fi



Hình 25



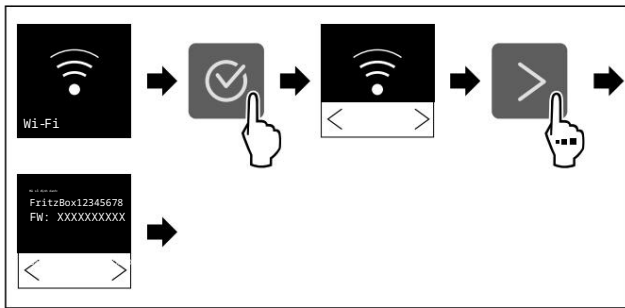
Hình 26

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. Kết nối Wi-Fi và các thiết lập Wi-Fi khác là khôi phục cài đặt gốc.

Hiển thị thông tin kết nối Wi-Fi



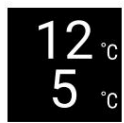
Hình 27



Hình 28



Hình 29 Hiển thị trạng thái



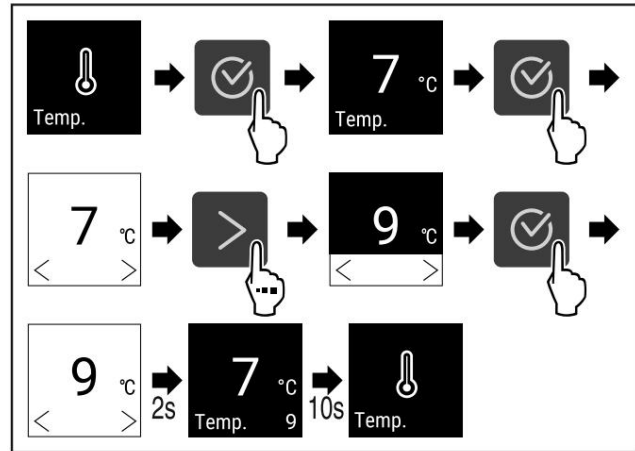
Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa.

### 7.2.4 Nhiệt độ

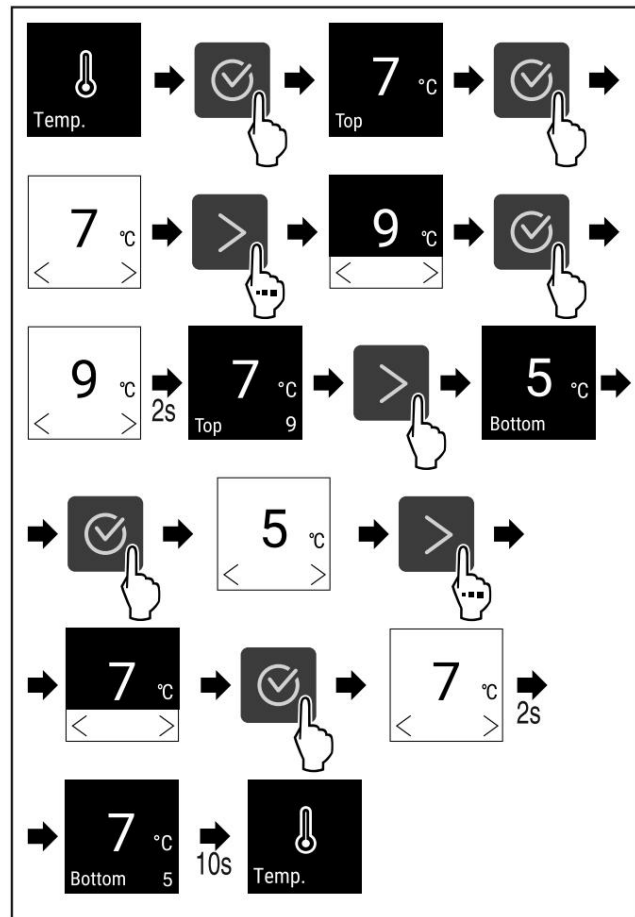


Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau: - tần suất mở cửa - thời gian mở cửa - nhiệt độ của phòng đặt thiết bị - loại, nhiệt độ và số lượng thực phẩm cần làm lạnh

### Đặt nhiệt độ



Hình 30 Nhiệt độ thay đổi từ 7°C đến 9°C\*



Hình 31 Nhiệt độ thay đổi từ 7°C đến 9°C và từ 5°C đến 7°C\* u Thực hiện theo các

bước như trong hình. Nhiệt độ đã được thiết lập.

### 7.2.5 Đơn vị nhiệt độ



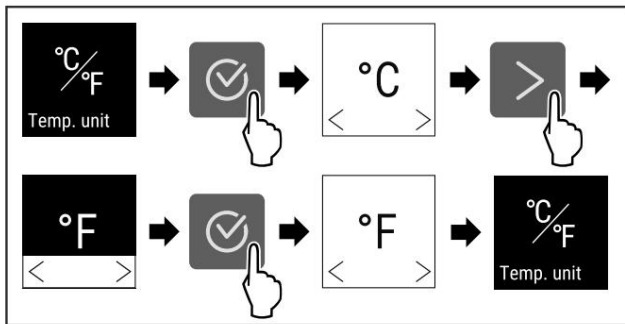
Sử dụng chức năng này để cài đặt đơn vị nhiệt độ. Bạn có thể cài đặt đơn vị nhiệt độ là độ C hoặc độ F.

## Sử dụng

Đặt đơn vị nhiệt độ



Hình 32



Hình 33 Ví dụ minh họa: Chuyển từ độ C sang độ F. u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. Đơn vị nhiệt độ hiện đã được thiết lập.



### 7.2.6 Chế độ ngày Sa-bát

Chức năng này cho phép bạn bật hoặc tắt SabbathMode. Nếu bạn bật tính năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị vô hiệu hóa. Do đó, thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo của các ngày lễ Do Thái, chẳng hạn như Ngày Sa-bát, và tuân thủ chứng nhận STAR-K Kosher.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode được bật
Màn hình trạng thái luôn hiển thị chế độ SabbathMode.
Mọi chức năng trên màn hình đều bị chặn ngoại trừ chức năng Tắt chế độ SabbathMode.
Các chức năng đang hoạt động vẫn đang hoạt động.
Màn hình vẫn trong suốt khi bạn đóng cửa.
Đèn bên trong đã tắt.
Không áp dụng lời nhắc. Khoảng thời gian quy định được tôn trọng.
Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo.
Không có báo động cửa.
Không có cảnh báo nhiệt độ.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ tự động trở về chế độ SabbathMode.

Trạng thái thiết bị

Lưu ý Thiết

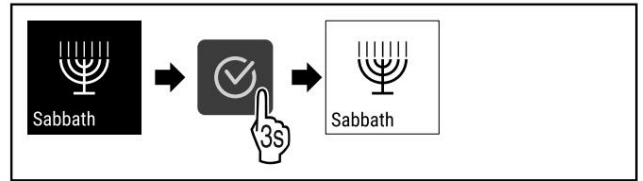
bị này đã được chứng nhận từ Viện Khoa học và Halacha. ([www.machonhalacha.co.il](http://www.machonhalacha.co.il))

Bạn có thể xem danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại [www.star-k.org/appliances](http://www.star-k.org/appliances).

Bật chế độ Sabbath



Hình 34

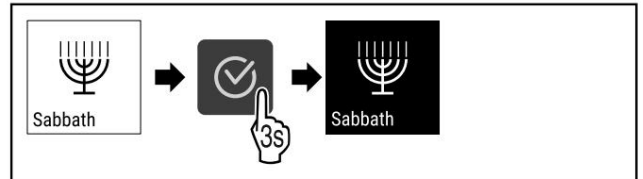


Hình 35

u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. Chức năng SabbathMode được bật. w Màn hình trạng thái luôn hiển thị SabbathMode.

Tắt tính năng SabbathMode

Sau 80 giờ, chế độ SabbathMode sẽ tự động bị vô hiệu hóa. Tuy nhiên, bạn có thể tắt SabbathMode theo cách thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 36

u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w SabbathMode đã bị vô hiệu hóa.



### 7.2.7 Độ ẩmChon Chức năng này cho

phép bạn điều chỉnh mức độ ẩm bên trong thiết bị. Thiết lập mức độ ẩm phù hợp sẽ có tác động tích cực đến cấu trúc của nút bấm trong quá trình bảo quản lâu dài và ngăn chúng bị khô.

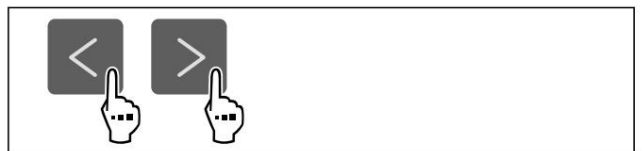
Lưu ý Tần

suất và thời gian mở cửa ảnh hưởng đến độ ẩm không khí trong thiết bị.

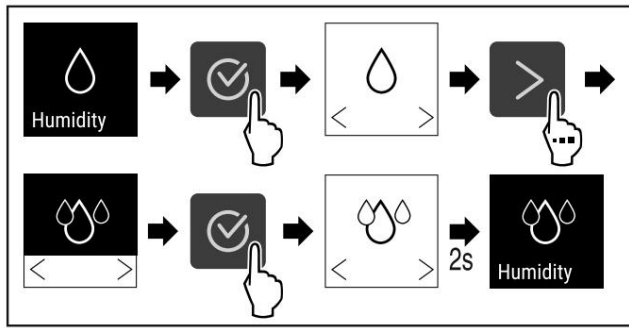
Bạn có thể chọn giữa hai chế độ độ ẩm:

Chức năng Độ ẩm-Lựa chọn	Cài đặt nhiệt độ trên thiết bị	Sử dụng/tiêu thụ năng lượng
Tiêu chuẩn (cài đặt trước)	10-12 °C	độ ẩm trung bình trong môi trường từ 50 đến 80% mức tiêu thụ năng lượng của thiết bị thấp hơn
cao	10-12 °C	độ ẩm môi trường trung bình < 50% mức tiêu thụ năng lượng của thiết bị tăng lên

Độ ẩm trong thiết bị tăng cao



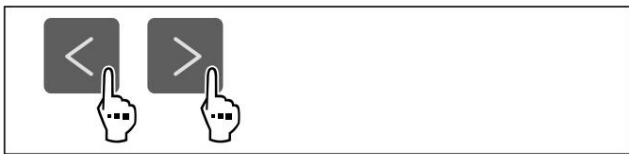
Hình 37



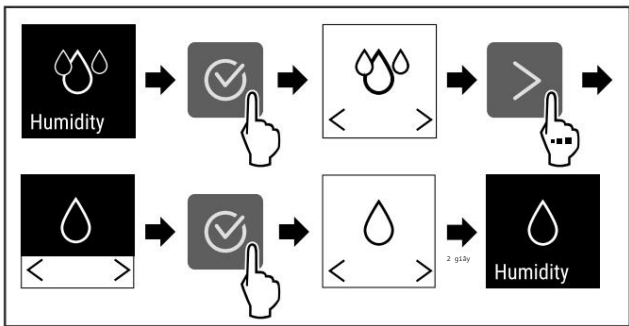
Hình 38

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. Độ ẩm trong thiết bị tăng lên.

Thiết lập độ ẩm không khí trong thiết bị ở giá trị tiêu chuẩn



Hình 39



Hình 40

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. Độ ẩm trong thiết bị giảm xuống.

## 7.2.8 Độ sáng màn hình



Chức năng này cho phép bạn điều chỉnh độ sáng của màn hình.

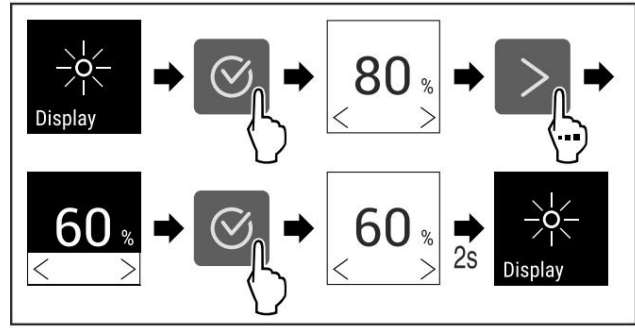
Bạn có thể điều chỉnh các mức độ sáng sau.

- 40%
- 60%
- 80%
- 100% (cài đặt mặc định)

Điều chỉnh độ sáng



Hình 41



Hình 42 Ví dụ minh họa: Tăng từ 80 lên 60%.

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. Độ sáng được điều chỉnh.



## 7.2.9 Báo động cửa

Chức năng này cho phép bạn kích hoạt hoặc hủy kích hoạt báo động cửa. Chuông báo động cửa sẽ kêu khi cửa mở quá lâu. Chuông báo động cửa sẽ được kích hoạt khi giao hàng. Bạn có thể cài đặt thời gian tối đa cửa có thể mở trước khi báo động được kích hoạt.

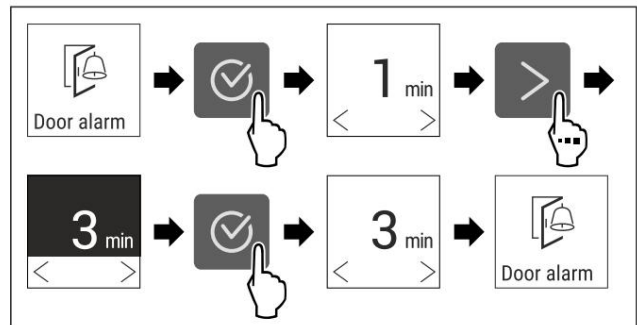
Bạn có thể thiết lập các giá trị sau: - 1 phút - 2 phút  
- 3 phút

- Tàn tật

Cài đặt báo động cửa



Hình 43



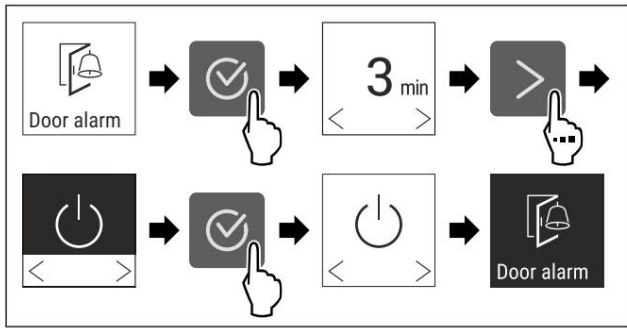
Hình 44 Ví dụ minh họa: thay đổi thời gian báo động cửa từ 1 phút thành 3 phút. Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. Báo động cửa đã được cài đặt.

Vô hiệu hóa báo động cửa



Hình 46

## Sử dụng



Hình 47

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Báo động cửa đã bị vô hiệu hóa.



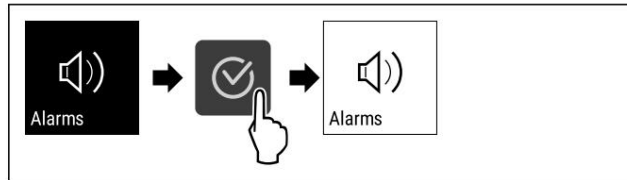
### 7.2.10 Âm thanh báo động

Chức năng này cho phép bạn bật hoặc tắt tất cả âm báo thức, chẳng hạn như âm báo cửa.

Âm thanh báo động Activer



Hình 48



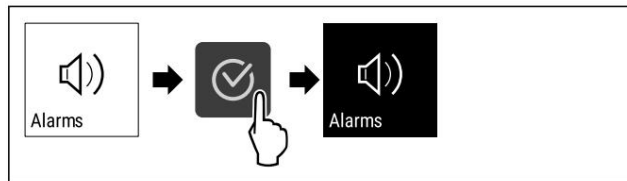
Hình 49

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Âm thanh báo động được kích hoạt.

Tắt âm thanh báo động



Hình 50



Hình 51

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Âm thanh báo động đã bị tắt.



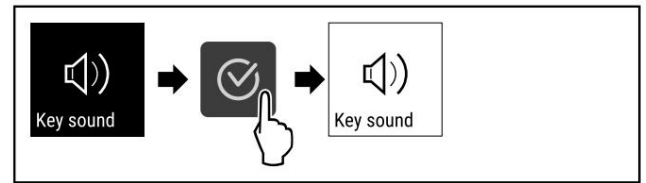
### 7.2.11 Âm thanh chính

Chức năng này cho phép bạn bật và tắt tất cả âm thanh xác nhận và âm thanh bắt đầu.

Âm thanh phím Activer



Hình 52



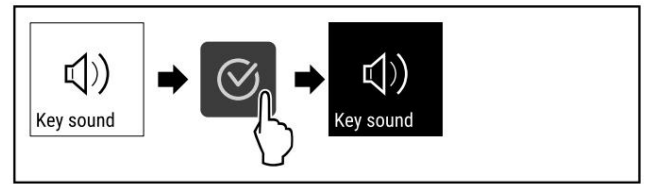
Hình 53

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Âm thanh phím được bật.

Tắt âm thanh phím



Hình 54



Hình 55

Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Âm thanh phím đã bị tắt.



### 7.2.12 Khóa màn hình

Cài đặt này ngăn chặn việc vô tình sử dụng thiết bị.

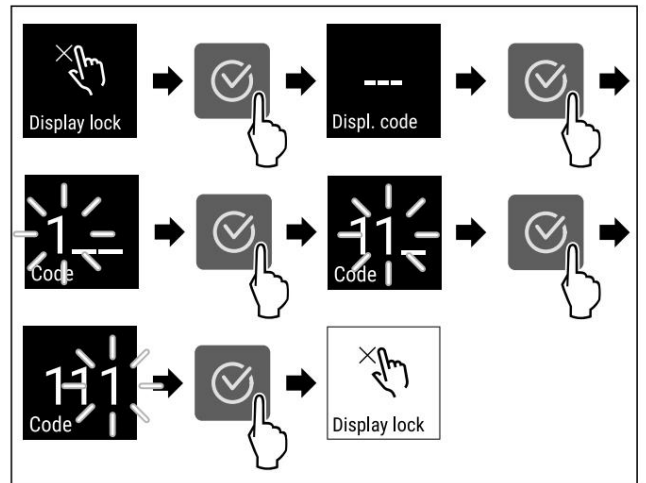
Ứng dụng :

- Để ngăn chặn việc sửa đổi cài đặt một cách ngẫu nhiên và chức năng.
- Để tránh việc tắt thiết bị đột ngột.
- Để tránh việc điều chỉnh nhiệt độ một cách vô tình.

Bật khóa màn hình



Hình 56

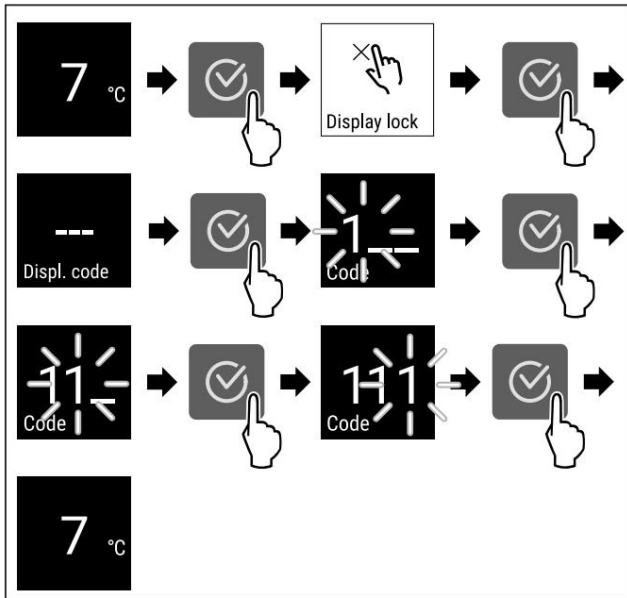


Hình 57 Ví dụ của chúng tôi sử dụng mã hiển thị được xác định trước 1 1 1.

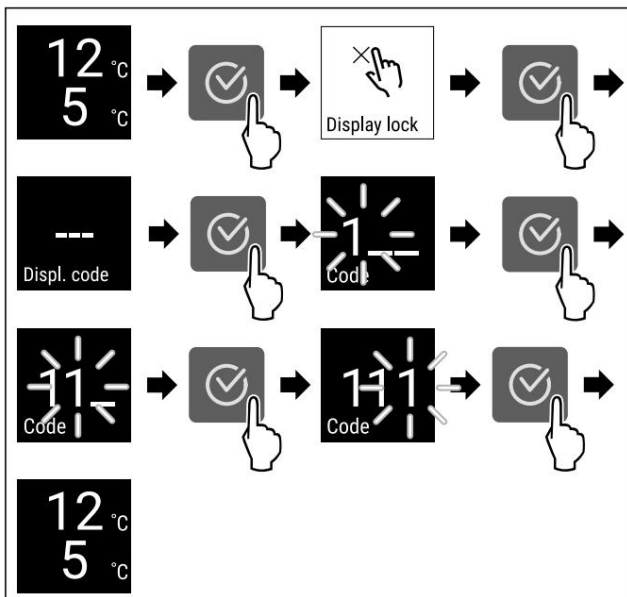
Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa.

w Khóa màn hình được bật. Màn hình trạng thái sẽ xuất hiện.

Mở khóa màn hình một cách nhanh chóng



Hình 58 \*



Hình 59

\* u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Khóa màn hình đã bị vô hiệu hóa. Màn hình trạng thái sẽ xuất hiện.

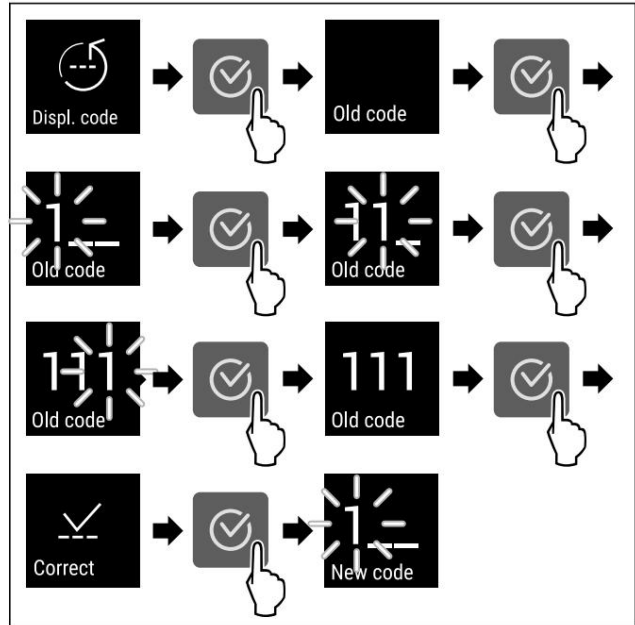
### 7.2.13 Mã PIN màn hình

Tính năng này cho phép bạn thay đổi mã PIN màn hình. Khi giao hàng, mã PIN hiển thị được đặt thành 1 1 1. Nếu bạn quên mã PIN hiển thị, bạn có thể đặt lại bằng cách khôi phục cài đặt gốc cho thiết bị. (xem 7.2.18 Khôi phục cài đặt gốc)

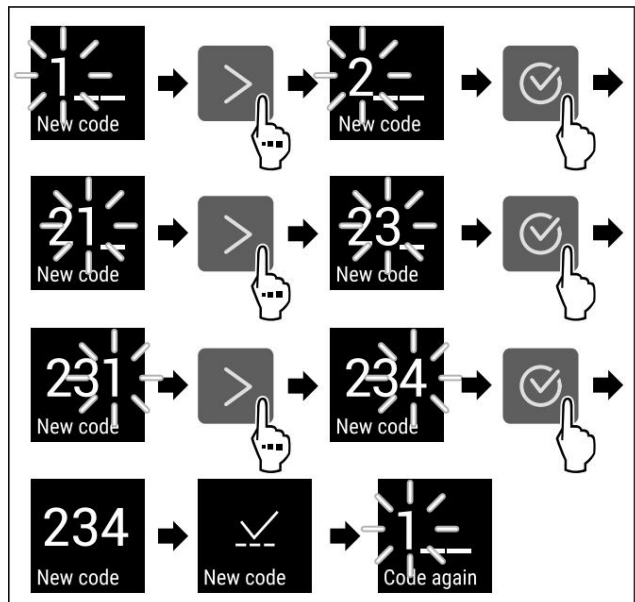
Thay đổi mã PIN màn hình



Hình 60

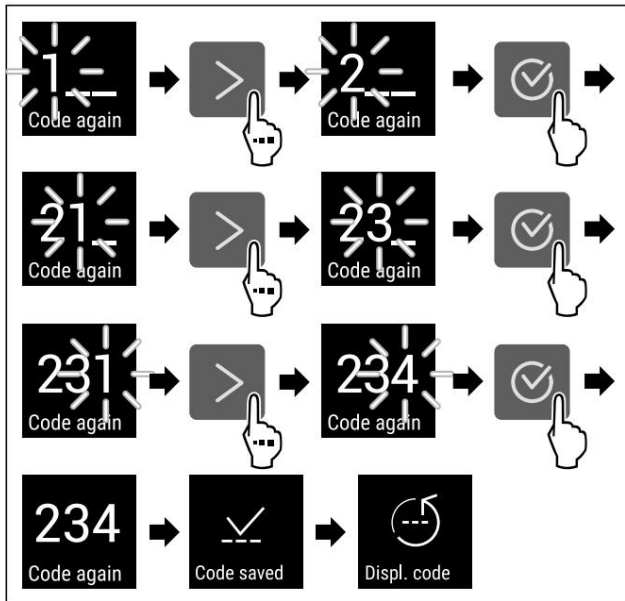


Hình 61 Ví dụ minh họa: Thay đổi cài đặt gốc 1 1 1 của mã PIN hiển thị thành 2 3 4



Hình 61 Ví dụ minh họa: Thay đổi cài đặt gốc 1 1 1 của mã PIN hiển thị thành 2 3 4

## Sử dụng



Hình 61 Ví dụ minh họa: Thay đổi cài đặt gốc 1 1 1 của mã PIN hiển thị thành 2 3 4

u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Mã PIN màn hình đã được thay đổi.



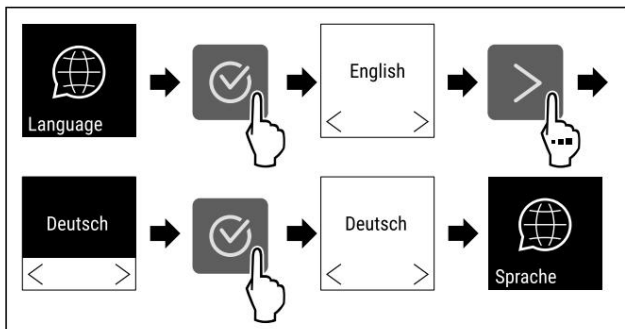
### 7.2.14 Ngôn ngữ Cài

đặt này cho phép bạn cài đặt ngôn ngữ hiển thị.

Thiết lập ngôn ngữ



Hình 62



Hình 63

u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Ngôn ngữ đã chọn đã được thiết lập.



### 7.2.15 Thông tin thiết bị

Tính năng này cho phép bạn hiển thị tên model, chỉ mục, số sê-ri và thẻ dịch vụ của thiết bị. Bạn sẽ cần thông tin về thiết bị khi liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Chức năng này cũng cho phép bạn mở menu nâng cao. (xem 3 Thao tác trên màn hình cảm ứng)

### Hiển thị thông tin thiết bị



Hình 64



Hình 65

u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. Màn hình hiển thị thông tin thiết bị.



### 7.2.16 Phần mềm Chức

năng này cho phép bạn hiển thị phiên bản phần mềm của thiết bị.

### Hiển thị phiên bản phần mềm



Hình 66



Hình 67

u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. Màn hình hiển thị phiên bản phần mềm.



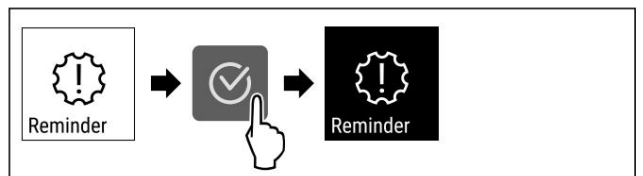
### 7.2.17 Nhắc nhở

Chức năng này cho phép bạn kích hoạt và hủy kích hoạt lời nhắc thay thế bộ lọc than hoạt tính của FreshAir.

### Tắt lời nhắc



Hình 68



Hình 69

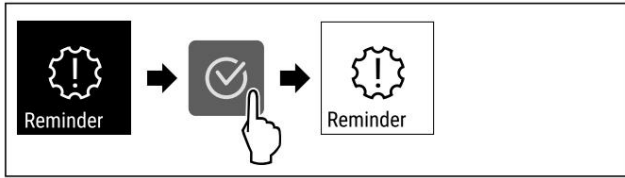
u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Chức năng nhắc nhở đã bị vô hiệu hóa.

### Kích hoạt lời nhắc



Hình 70





Hình 71

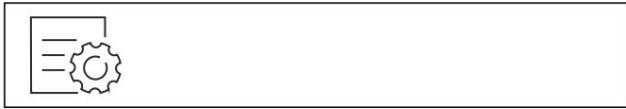
u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Lời nhắc đã được kích hoạt.

### 7.2.18 Khôi phục cài đặt

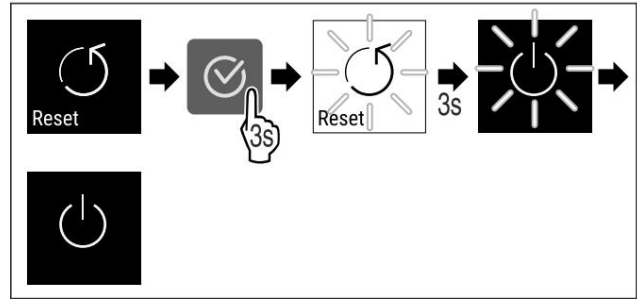


Sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất. Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay đều được khôi phục về giá trị ban đầu.

Thực hiện thiết lập lại



Hình 72



Hình 73

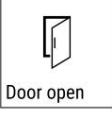

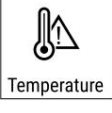


u Thực hiện theo các bước như trong hình minh họa. w Thiết bị đã được thiết lập lại.

w Thiết bị đã tắt. u Khởi động lại thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (lần sử dụng đầu tiên))

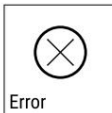

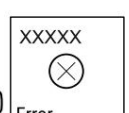







## 7.3 Tin nhắn

### 7.3.1 Cảnh báo

Cảnh báo được thể hiện bằng tín hiệu âm thanh và biểu tượng trên màn hình. Tín hiệu âm thanh sẽ tăng cường cho đến khi thông điệp được xác nhận.



Tin nhắn	Gây ra	Giải pháp
 <p>Door open</p> <p>Cửa mở</p>	<p>Thông báo này sẽ xuất hiện khi cửa bị mở quá lâu.</p>	<p>Đóng cửa lại.</p> <p>Nhấn nút xác nhận.</p> <p>Chuông báo thức dừng lại.</p> <p>Lưu ý Thời gian xuất hiện của tin nhắn có thể được điều chỉnh (xem 7.2.9 Báo động cửa).</p> 
 <p>Temperature</p> <p>Báo động nhiệt độ</p>	<p>Thông báo xuất hiện khi nhiệt độ không khớp với nhân có thể gây ra sự chênh lệch nhiệt độ: - Có thức ăn nóng được cho vào tủ lạnh. - Khi sắp xếp lại hoặc lấy các sản phẩm làm lạnh ra, một lượng không khí nóng quá mức đã xâm nhập vào thiết bị. - Đã xảy ra tình trạng mất điện kéo dài.</p>	<p>Nhấn phím xác nhận. cài đặt nhiệt độ. Nguyên nhân</p> <p>Nhiệt độ nóng nhất sẽ được hiển thị.</p> <p>Nhấn nút xác nhận.</p> <p>Nhiệt độ hiện tại sẽ nhấp nháy và màn hình hiển thị biểu tượng cảnh báo nhiệt độ cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt.</p> <p>Kiểm tra tình trạng của sản phẩm đông lạnh.</p>  

## Sử dụng

Tin nhắn	Gây ra	Giải pháp
 <p>Error</p> <p>Lỗi</p>	<p>Thiết bị bị lỗi, lỗi trong việc di chuyển sản phẩm thành phần của thiết bị. Nhấn phím xác nhận. thông tin.</p>	<p>đông lạnh. thiết bị hoặc lỗi xảy ra ở một</p> <p>Mã lỗi được hiển thị.</p> <p>Nhấn nút xác nhận.</p> <p>Nếu có, mã lỗi khác sẽ được hiển thị.</p> <p>hoặc</p> <p>Màn hình trạng thái có biểu tượng lỗi nhấp nháy sẽ hiển thị.</p> <p>Nhấn phím điều hướng để hiển thị lại mã lỗi.</p> <p>Lưu ý mã lỗi và liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng.</p>    
 <p>Power</p> <p>Mất điện</p>	<p>Thông báo xuất hiện sau khi mất điện. Nhấn nút xác nhận. nếu nhiệt độ cao hơn ngưỡng báo động khi có điện trở lại.</p>	<p>Nhiệt độ nóng nhất sẽ được hiển thị.</p> <p>Nhấn nút xác nhận.</p> <p>Báo thức dừng lại và nhiệt độ hiện tại được hiển thị.</p> <p>Kiểm tra tình trạng của sản phẩm đông lạnh.</p>  
 <p>WiFi error</p> <p>Lỗi WLAN</p>	<p>Kết nối WLAN bị gián đoạn.</p>	<p>Kiểm tra kết nối.</p> <p>Nhấn nút xác nhận.</p> <p>Chương báo thức dừng lại.</p>
 <p>WWW error</p> <p>Lỗi WLAN WWW</p>	<p>Thông báo này xuất hiện nếu không có kết nối internet qua WLAN.</p>	<p>Kiểm tra kết nối.</p> <p>Nhấn nút xác nhận.</p> <p>Chương báo thức dừng lại.</p>

## 7.3.2 Nhắc nhở

Lời nhắc sẽ xuất hiện khi cần thực hiện một hành động. Chúng được báo hiệu bằng tín hiệu âm thanh và biểu tượng trên màn hình. Nhấn phím xác nhận để xác nhận tin nhắn.

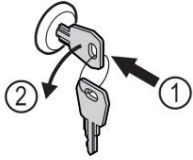
Tin nhắn	Gây ra	Giải pháp
 <p>FreshAir</p> <p>Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir</p>	<p>Tin nhắn này xuất hiện 6 tháng một lần.</p>	<p>Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir.</p>  <p>Việc thu hồi đã kết thúc.</p>

## 8 Thiết bị

### 8.1 Khóa an toàn

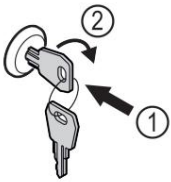
Khóa cửa thiết bị được trang bị cơ chế an toàn.

#### 8.1.1 Khóa thiết bị



Hình 74 Ví dụ minh họa phím Insert. u Xoay chìa khóa 90° ngược chiều kim đồng hồ. w Thiết bị đã đóng.

#### 8.1.2 Mở khóa thiết bị



Hình 75 Ví dụ minh họa u Phím chèn Hình 75 (1). u Xoay chìa khóa 90° theo chiều kim đồng hồ Hình 75 (2). w Thiết bị đang mở.

#### 8.1.3 Khóa thiết bị

Khóa ngăn đóng. u Chèn chìa khóa vào. u Xoay chìa khóa 45° theo chiều kim đồng hồ. w Ngăn đóng bị khóa.

Khóa ngăn lạnh và ngăn đông. u Chèn chìa khóa vào. u Xoay chìa khóa 90° theo chiều kim đồng hồ. w Ngăn tủ lạnh và ngăn đông bị khóa.

#### 8.1.4 Mở khóa thiết bị

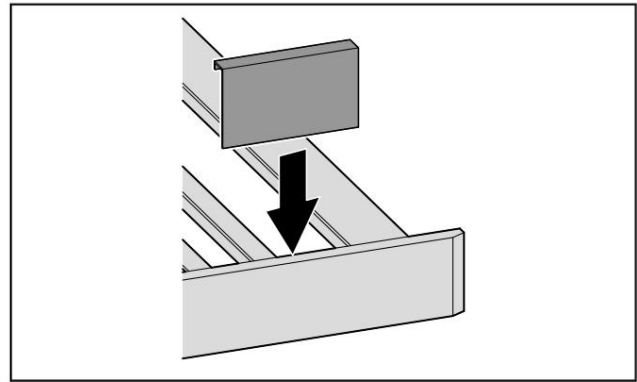
Mở khóa ngăn tủ lạnh. u Chèn chìa khóa vào. u Xoay chìa khóa 45° ngược chiều kim đồng hồ. w Ngăn tủ lạnh không được mở khóa.

Mở khóa ngăn tủ lạnh và ngăn đông. u Chèn chìa khóa vào. u Xoay chìa khóa 90° ngược chiều kim đồng hồ. w Ngăn tủ lạnh và ngăn đông không được mở khóa.

## 8.2 Nhãn đánh dấu

Bạn có thể mua nhãn đánh dấu làm phụ kiện từ đại lý chuyên nghiệp.

Bạn có thể chỉ ra loại rượu được lưu trữ trong từng ngăn.



Hình 76  
u Chèn nhãn đánh dấu từ phía trên.

## 9 Phông vấn

### 9.1 Trao đổi không khí nhờ bộ lọc than hoạt tính FreshAir

Rượu vang liên tục thay đổi tùy thuộc vào điều kiện môi trường; Do đó, chất lượng không khí rất quan trọng đối với việc bảo tồn.

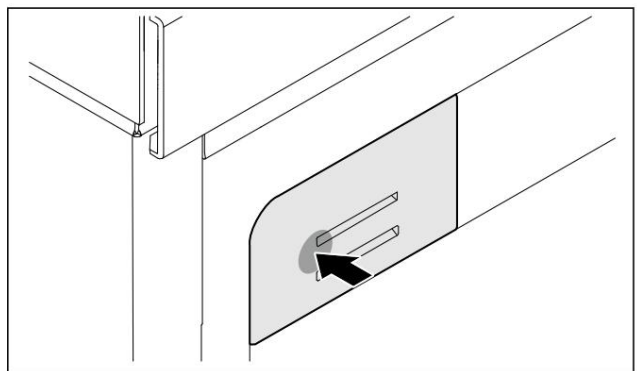
Bộ lọc than hoạt tính FreshAir đảm bảo chất lượng không khí tối ưu.

q Thay bộ lọc than hoạt tính sau mỗi 6 tháng. q Vứt bỏ bộ lọc than hoạt tính cùng với rác thải sinh hoạt thông thường.

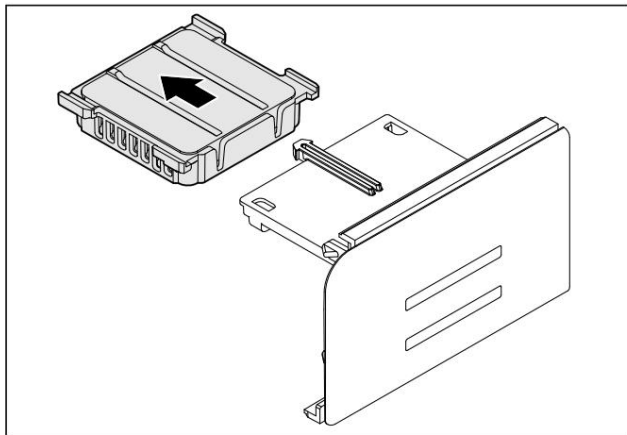
Lưu ý Bạn có

thể mua bộ lọc than hoạt tính FreshAir từ cửa hàng Thiết bị gia dụng Liebherr tại [home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehoer.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehoer.html).

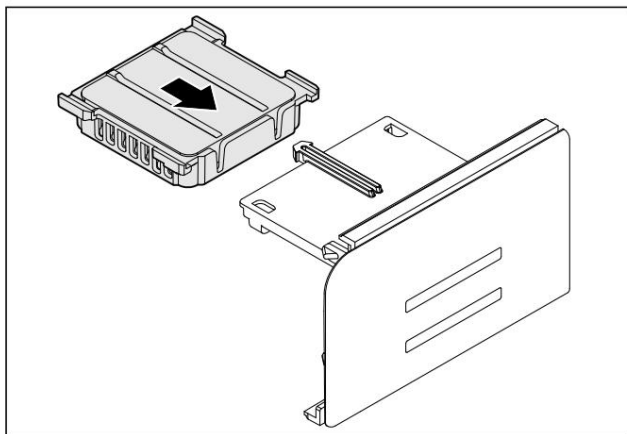
#### 9.1.1 Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir



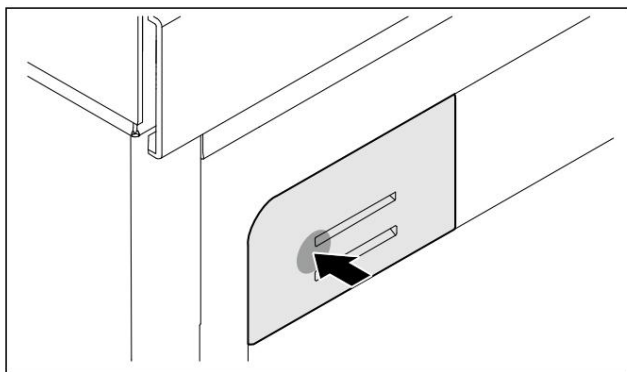
Hình 77 Biểu diễn như một ví dụ  
u Nhấn giá đỡ bộ lọc, nhả ra và tháo ra.



Hình 78 Biểu diễn như một ví dụ  
u Tháo bộ lọc đã sử dụng ra khỏi giá đỡ.



Hình 79 Ví dụ minh họa u Lắp bộ lọc mới vào giá  
đỡ.



Hình 80 Biểu diễn như một ví dụ  
u Nhấn giá đỡ bộ lọc xuống đến điểm dừng và  
giải phóng.  
w Bộ lọc than hoạt tính FreshAir đã được thay thế.

## 9.2 Vệ sinh thiết bị

### 9.2.1 Chuẩn bị



CẢNH BÁO Có nguy cơ bị

điện giật! u Rút phích cắm  
tủ lạnh hoặc rút phích cắm  
cáp nguồn.



CẢNH BÁO Nguy cơ cháy

u Không làm hỏng  
mạch làm lạnh.

- u Làm trống thiết bị.
- u Rút phích cắm điện.

### 9.2.2 Vệ sinh bên trong

THẬN TRỌNG Vệ

sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử  
dụng vải mềm và chất tẩy rửa

tác nhân đa năng có độ pH trung tính.

u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép. u Không sử  
dụng các sản phẩm tẩy rửa mạnh, có tính mài mòn hoặc có chứa axit,  
clo hoặc

u Bề mặt nhựa: Vệ sinh bằng tay với khăn sạch, mềm, nước ấm và một ít xà  
phòng rửa chén.

u Bề mặt kim loại: Vệ sinh bằng tay với khăn sạch, mềm, nước ấm và một ít  
xà phòng rửa chén.

u Lỗ thoát nước: Loại bỏ cặn bẩn bằng vật dụng  
mỏng, ví dụ như tăm bông.

### 9.2.3 Vệ sinh thiết bị

THẬN TRỌNG Vệ

sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử  
dụng vải mềm và chất tẩy rửa

tác nhân đa năng có độ pH trung tính.

u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép. u Không sử  
dụng các sản phẩm tẩy rửa mạnh, có tính mài mòn hoặc có chứa axit,  
clo hoặc

Vệ sinh bằng vải mềm: - Thanh ray dạng

ống lồng Thận trọng: mờ

trong đường chạy có tác dụng như chất bôi trơn và không được loại bỏ!

u Tháo dỡ thiết bị: xem chương có liên quan. u Vệ sinh thiết  
bị

### 9.2.4 Sau khi vệ sinh u Lau sạch thiết

bị và các bộ phận thiết bị  
Chắc chắn.

u Cắm điện cho thiết bị và bật nguồn. u Lắp lại việc vệ  
sinh thường xuyên.

## 10 Trợ giúp khách hàng

### 10.1 Dữ liệu kỹ thuật

Chiếu sáng	
Hiệu suất năng lượng lớp 1	Nguồn sáng
Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng có hiệu suất năng lượng loại F.	DẪN ĐẾN

Chiếu sáng	
Hiệu suất năng lượng lớp 1	Nguồn sáng
Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng có hiệu suất năng lượng loại G.	ĐIÊN ĐẾN

<sup>1</sup> Thiết bị có thể chứa các nguồn sáng có hiệu suất năng lượng khác nhau. Lớp hiệu suất năng lượng thấp nhất được chỉ định.

Đối với các thiết bị có kết nối Wi-Fi:\*

Thông số tần số*	
Dải tần số	2,4 GHz
Công suất bức xạ tối đa	< 100 mW
Chức năng của thiết bị vô tuyến	Tích hợp vào mạng Wi-Fi cục bộ để truyền dữ liệu

## 10.2 Tiếng ồn khi vận hành

Thiết bị phát ra nhiều tiếng ồn khác nhau khi hoạt động.

- Với công suất làm lạnh vừa phải, thiết bị hoạt động tiết kiệm điện nhưng trong thời gian dài hơn. Âm lượng thấp hơn.
- Với khả năng làm lạnh mạnh mẽ, thực phẩm được làm lạnh nhanh hơn. Âm lượng cao hơn.

Ví dụ: • Các

chức năng được kích hoạt (xem 7.2 Hoạt động của thiết bị)

reil) • Quạt đang chạy • Thức

ăn mới cất đi • Nhiệt độ phòng cao •

Cửa mở trong thời gian dài

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Sủi bọt và thì thầm	Chất làm lạnh đang chảy vào mạch làm lạnh.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
khắc nhỏ rít và rít	Chất làm lạnh đang phun vào mạch làm lạnh.	Tiếng ồn hoạt động bình thường

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Có tiếng vo ve Thiết bị đã	nguội. Thẻ tích phụ thuộc vào công suất làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng ồn khi hút Cửa giảm	chấn được mở và đóng.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Gử gử và nóng hồi	Quạt đang hoạt động.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Nhấp chuột	Các thành phần được bật và tắt.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường
Ngáy ngủ phản tác dụng	hoặc Các van hoặc nắp đang hoạt động.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn	Đúng
Rung động	Montage không đúng	Tiếng ồn chỉ ra sự bất thường	Kiểm tra các lắp ráp. Căn chỉnh thiết bị.
Thiết bị chup, các vật thể bên trong thiết bị	Thiết bị	Tiếng ồn chỉ ra sự bất thường	<small>Người của chủ</small> CÁC các bộ phận thiết bị. Để lại khoảng cách giữa CÁC đồ vật.

## 10.3 Sự cố kỹ thuật

Thiết bị này được thiết kế và sản xuất để đảm bảo hoạt động an toàn và tuổi thọ lâu dài. Nếu vẫn xảy ra hiện tượng bất thường trong quá trình vận hành, trước tiên hãy kiểm tra xem sự cố có phải do lỗi vận hành hay không. Trong trường hợp này, chi phí phát sinh sẽ do người sử dụng chịu, ngay cả trong thời gian bảo hành.

Người dùng có thể tự khắc phục những vấn đề sau.

### 10.3.1 Hoạt động của thiết bị

Lỗi	Gây ra	Các hành động cần thực hiện
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa được bật. Phích cắm không được cắm đúng vào ổ cắm.	u Bật thiết bị. u Kiểm tra tờ giấy.
	Cầu chì ở cắm bị đứt.	u Kiểm tra cầu chì.
	Mất điện	u Để thiết bị đóng lại.
	Phích cắm của thiết bị làm lạnh không được cắm đúng cách vào thiết bị.	u Kiểm tra phích cắm của thiết bị làm lạnh.
	Nhiệt độ không đủ thấp.	Cửa thiết bị không được đóng đúng cách.

Lỗi	Gây ra	Các hành động cần
	Thông gió và sạch khí không đủ.	thực hiện u Làm sạch và vệ sinh lưới thông gió.
	Nhiệt độ phòng quá cao.	u Giải pháp cho vấn đề: (xem 1.4 Phạm vi áp dụng của thiết bị)
	Thiết bị đã được mở quá nhiều lần hoặc quá dài.	u Chờ cho nhiệt độ cần thiết tự động trở lại bình thường. Nếu không được, hãy liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
	Nhiệt độ được cài đặt không chính xác. u Đặt nhiệt độ lạnh hơn và kiểm tra sau 24 giờ.	
	Thiết bị được đặt quá gần nguồn nhiệt (bếp, lò sưởi, v.v.). Thay đổi vị trí của thiết bị hoặc nguồn nhiệt.	
	Thiết bị chưa được lắp đúng cách. Kiểm tra xem thiết bị đã được lắp đúng cách và hốc chứa cửa đóng đúng cách.	
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.	Ở một số thiết bị, gioăng cửa có thể thay thế được. Có thể thay thế dễ dàng mà không cần bất kỳ dụng cụ nào.	u Liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.	Có thể thay đổi gioăng cửa. Có thể thay thế dễ dàng mà không cần bất kỳ dụng cụ nào.	u Liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
Thiết bị bị đóng băng hoặc có hiện tượng ngưng tụ.	Gioăng cửa có thể là ra khỏi rãnh của nó.	u Kiểm tra xem miếng đệm cửa đã được lắp đúng vào cửa rãnh.

### 10.3.2 Thiết bị

Lỗi	Gây ra	Các hành động cần thực hiện
Đèn chiếu sáng bên trong không bật.	Thiết bị chưa được bật. u Bật thiết bị. Cửa bị bỏ ngỏ u Đèn bên trong	
	tự động tắt sau hơn 15 phút. khoảng 15 phút nếu cửa vẫn mở.	
	Đèn LED bị lỗi hoặc nắp đèn bị hỏng.	u Liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

### 10.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên hãy kiểm tra xem bạn có thể tự sửa lỗi hay không (xem mục 10 Trợ giúp khách hàng). Nếu không, vui lòng liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng.

Bạn có thể tìm thấy địa chỉ trong tờ rơi "Liebherr-Service" kèm theo hoặc tại [home.liebherr.com/service](http://home.liebherr.com/service).



**CẢNH BÁO** Việc sửa chữa

không được thực hiện bởi nhân viên có trình độ! Chấn thương.

u Chỉ tiến hành sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị và đường truyền mạng khi không được dịch vụ sau bán hàng để cập rõ ràng (xem mục 9 Bảo trì) u Chỉ thay thế cáp nguồn bị hỏng bởi nhà sản xuất hoặc dịch vụ sau bán hàng hoặc bất kỳ người có trình độ nào khác.

u Đối với các thiết bị được trang bị đầu nối IEC, khách hàng có thể tự thay thế.

#### 10.4.1 Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng

Đảm bảo thông tin sau có sẵn trên thiết bị: q Ký hiệu thiết bị (mẫu và chỉ mục)

q Số dịch vụ (bảo trì) q Số

sê-ri (S. No.) u Mở

thông tin thiết bị trên màn hình.

-hoặc-

u Tìm thông tin về thiết bị trên bảng thông số kỹ thuật. (xem 10.5 Biển tên) u Ghi lại thông tin trên thiết bị. u Thông báo

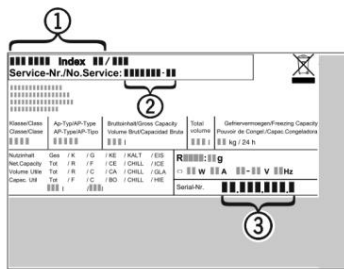
cho bộ phận chăm sóc khách hàng: Thông báo lỗi và thông tin thiết bị. w Điều này sẽ cho phép bạn được hưởng lợi từ một cách nhanh chóng và

chính xác.

u Thực hiện theo bất kỳ hướng dẫn bổ sung nào từ bộ phận dịch vụ khách hàng.

## 10.5 Biển tên

Biển tên nằm ở phía dưới, trên thành bên trong của thiết bị.



Hình 81

(1) Ký hiệu thiết bị (2) Số dịch vụ (3) Số sê-ri

vụ.

u Đọc thông tin

trên biển đánh giá.

## 11 Tháo dỡ

u Làm trống thiết bị.

u Tắt thiết bị. (xem 7.2.2 Bật và tắt thiết bị

cuộn dây)

u Rút phích cắm ra khỏi ổ cắm. u Nếu cần, hãy tháo

phích cắm khỏi thiết bị làm lạnh: tháo phích cắm của thiết bị làm lạnh khỏi đầu nối thiết bị trong khi di chuyển nó từ trái sang phải.

u Vệ sinh thiết bị. (xem 9.2 Vệ sinh thiết bị) u Để cửa mở để tránh những điều khó chịu mùi hôi.

## 12 Loại trừ

### 12.1 Chuẩn bị thiết bị để xử lý



Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị. Trong EU, cơ quan lập pháp yêu cầu người dùng phải tháo pin trước khi vứt bỏ thiết bị đã qua sử dụng để bảo vệ môi trường. Nếu thiết bị của bạn có pin, sẽ có tờ hướng dẫn sử dụng tương ứng đi kèm với thiết bị.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không làm hỏng chúng, hãy tháo chúng ra trước khi vứt bỏ.

u Tắt thiết bị. u Nếu có thể: tháo đèn ra mà không làm hỏng chúng.

### 12.2 Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường



Thiết bị này vẫn chứa các vật liệu có giá trị và phải được thu gom riêng với rác thải chưa phân loại.



Vứt bỏ pin riêng với thiết bị đã sử dụng. Pin có thể được thu gom miễn phí tại điểm bán hàng hoặc trung tâm tái chế.

Đèn

Xử lý đèn đã tháo bỏ thông qua hệ thống thu gom phù hợp.

Ở Đức:

Bạn có thể vứt bỏ thiết bị miễn phí vào một trong các thùng thu gom Loại 1 tại các trung tâm tái chế tại địa phương. Nếu bạn mua tủ lạnh/tủ đông mới từ điểm bán hàng có diện tích bán hàng lớn hơn 400 m<sup>2</sup>, cửa hàng cũng sẽ nhận lại thiết bị đã qua sử dụng miễn phí.



CẢNH BÁO Rò rỉ chất làm

lạnh và dầu!

Ngọn lửa. Chất làm lạnh này thân thiện với môi trường nhưng dễ cháy. Dầu cũng dễ cháy. Trong trường hợp rò rỉ, chất làm lạnh và dầu có thể bắt lửa nếu ở nồng độ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài.

u Không làm hỏng đường ống mạch làm lạnh và máy nén.

u Thực hiện theo hướng dẫn vận chuyển thiết bị. u Hãy cẩn thận không làm hỏng thiết bị trong quá trình truyền tải.

cảng.

u Vứt bỏ pin, đèn và thiết bị theo đúng quy định theo các chỉ thị nêu trên.



[home.liebherr.com/fridge-manuals](https://home.liebherr.com/fridge-manuals)

**FR** tủ kiểm soát nhiệt độ rượu vang

Ngày xuất bản: 20250120

Mục lục tham khảo. : 7083720-00